

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 48/2021/DS-ST
Ngày: 24 - 12 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Quý.

2. Ông Y Mưng Niê.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 308/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 về: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quý tín dụng nhân dân P.

Địa chỉ trụ sở: Thôn T4, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phi H – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Phạm Tất Th – chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Xuân Tr – chức vụ: Cán bộ tín dụng.

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Ngọc G, bà Lưu Thị T (bà Lưu Thị T đã chết, trích lục khai tử số 987/TLKTBS ngày 18/6/2018 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp).

Địa chỉ: Thôn T7, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – ông G vắng mặt (có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Thanh T1.

Địa chỉ: Thôn T7, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Anh Bùi Tấn Đ.

Địa chỉ: Thôn T7, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- Chị Bùi Thị Hồng Nh:

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2020, quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/3/2017, Quỹ tín dụng nhân dân P và ông G, bà T đã ký hợp đồng tín dụng số 1230/A (loại cho vay trung hạn), Quỹ tín dụng đã cho ông G, bà T vay số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Ông G, bà T đã nhận đủ số tiền vay, thời hạn vay là 13 tháng, từ ngày 16/3/2017 đến ngày 16/4/2018, với lãi suất là 0,95%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng hoặc tại thời điểm phát tiền vay, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn, mục đích sử dụng tiền vay là để mua vật dụng gia đình. Mặc dù đã quá hạn trả nợ nhưng ông G, bà T chưa trả được nợ gốc và lãi. Tính đến khi khởi kiện thì ông G, bà T còn nợ Quỹ tín dụng tổng số tiền là 187.374.000 đồng, trong đó nợ gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi 67.374.000 đồng. Theo đơn khởi kiện, Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Bùi Ngọc G phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc lãi nêu trên. Yêu cầu ông G phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 17/4/2018 đến khi ông G trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện theo hướng, yêu cầu một mình ông G phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử vụ án (ngày 24/12/2021) là 211.884.000 đồng, trong đó nợ gốc là 120.000.000 đồng, nợ lãi là trong hạn là 15.048.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 76.836.000 đồng. Yêu cầu ông G phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 25/12/2021 đến khi ông G trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về tài sản thế chấp: Khi vay ông G, bà T có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1230/A ngày 01/2/2016, phụ lục hợp đồng thế chấp ký ngày 15/3/2017 kèm theo hợp đồng thế chấp số 1230/A, tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng thửa đất số 21a, tờ bản đồ số 74, diện tích 5.000m², tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 543863, cấp ngày 29/8/2007 cho hộ ông Bùi Ngọc G, bà Lưu Thị T.

Quỹ tín dụng yêu cầu trong trường hợp ông G không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Quỹ tín dụng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1230/A ngày 01/02/2016 và phụ lục hợp đồng kèm theo để thu hồi nợ. Nếu ông G trả nợ đầy đủ cho Quỹ tín dụng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Quỹ tín dụng sẽ trả lại giấy CNQSDĐ số AK 543863 cho ông G.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu ông G phải hoàn trả cho Quỹ tín dụng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Bùi Ngọc G trình bày:

Tôi có ký hợp đồng tín dụng số 1230/A, ngày 16/3/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1230/A ngày 01/02/2016, theo hợp đồng thì vợ chồng tôi có vay của Quỹ tín dụng nhân dân xã P số tiền gốc là 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*), thỏa thuận về lãi suất trong hạn là 0,95%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, chúng tôi đã nhận đủ tiền vay. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng gia đình làm ăn kinh tế khó khăn nên chưa trả được nợ gốc và lãi phát sinh cho Quỹ tín dụng. Nay Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả số tiền 187.374.000 đồng, trong đó nợ gốc là 120.000.000 đồng, nợ lãi là 67.374.000 đồng thì tôi đồng ý, yêu cầu chúng tôi tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc cho đến khi trả xong nợ cho Quỹ tín dụng thì tôi đồng ý.

Đối với tài sản thế chấp, khi vay chúng tôi có thế chấp cho Quỹ tín dụng quyền sử dụng đất của thửa đất số 21a, tờ bản đồ số 74, diện tích 5.000m², tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 543864, cấp ngày 29/8/2007 cho hộ Bùi Ngọc G, Lưu Thị T. Nay Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu trong trường hợp chúng tôi không trả được nợ hoặc không trả nợ đầy đủ cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ thì tôi hoàn toàn đồng ý, vì hiện nay khó khăn không thể trả nợ cho Quỹ tín dụng. Tôi cam đoan thửa đất thế chấp cho Quỹ tín dụng nêu trên vẫn do gia đình tôi quản lý, không mua bán, chuyển nhượng, tặng cho ... hay có tranh chấp với bất kỳ ai khác.

Tôi có 03 người con là Bùi Tấn Đ, Bùi Thanh T1, Bùi Thị Hồng Nh, hiện nay con là Đ và T1 vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn T7, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Còn con là Bùi Thị Hồng Nh đang ở thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Còn vợ tôi là Lưu Thị T đã mất vào năm 2018, có giấy chứng tử số 987/TLKT ngày 18/6/2018 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện K cấp.

Tôi (Bùi Ngọc G) bằng ý kiến được ghi nhận tại biên bản lấy lời khai này, do công việc bận rộn, không thể đến Tòa án làm việc nên tôi xin yêu cầu Tòa án giải quyết, xử xử vắng mặt tôi, tôi xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án tại các cấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Tấn Đ, quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Tôi đã nhận được tất cả văn bản của Tòa án, biết về việc Quỹ tín dụng nhân dân P khởi kiện đối với bố mẹ tôi là ông Bùi Ngọc G, bà Lưu Thị T (mẹ tôi đã mất năm

2018), việc bố mẹ tôi có vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân P tôi có biết, đến nay khoản vay này bố tôi chưa trả được cho Quỹ tín dụng nên Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu bố tôi trả số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh thì tôi không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 21a, tờ bản đồ số 74, diện tích 5.000m², tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 543864, cấp ngày 29/8/2007 cho hộ Bùi Ngọc G, Lưu Thị T, tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến tài sản thế chấp này. Tôi đồng ý trong trường hợp bố tôi không trả được nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân P được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Tôi không có bất kỳ yêu cầu gì trong vụ án này để yêu cầu Tòa án giải quyết, vì lý do công việc bận rộn nên tôi không thể tham gia làm việc tại Tòa án nên tôi xin từ chối tham gia tố tụng tại tất cả các buổi làm việc và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Hồng Nh, quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Tôi đã nhận được các thông báo của Tòa án, biết Quỹ tín dụng nhân dân xã P đang khởi kiện đối với bố tôi là ông Bùi Ngọc G, về khoản vay của bố mẹ tôi thì tôi không biết, không liên quan. Đối với thửa đất số 21a, tờ bản đồ số 74, diện tích 5.000m², tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 543864, cấp ngày 29/8/2007 cho hộ Bùi Ngọc G, Lưu Thị T. Tôi xác định thửa đất trên đang thế chấp tại Quỹ tín dụng, để đảm bảo khoản vay của bố mẹ. Mẹ tôi đã mất, tôi xác định tôi không liên quan, không có bất kỳ yêu cầu gì đối với tài sản thế chấp trên, đồng ý để Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Thanh T1, quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án cấp, thông báo, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T1 đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh T1. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu quan điểm:

Về tuân theo thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Tấn Đ, chị Bùi Thị Hồng Nh đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan anh Bùi Thanh T1 mặc dù đã được Tòa án thông báo, cấp, tổng đạt triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh T1 là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định: Ngày 16/3/2017, Quỹ tín dụng và ông G, bà T đã ký hợp đồng tín dụng số 1230/A, Quỹ tín dụng đã cho ông G, bà T vay số tiền 120.000.000 đồng. Thỏa thuận về thời hạn vay, về lãi suất và các nội dung khác đã thể hiện trong hợp đồng tín dụng. Để đảm bảo khoản vay ông G, bà T đã thế chấp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1230/A ngày 01/2/2016, phụ lục hợp đồng thế chấp ký ngày 15/3/2017. Tính đến nay, đã quá hạn trả nợ nhưng bị đơn ông G chưa trả nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng là vi phạm nghĩa vụ nên Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông G trả nợ, số tiền gốc và lãi được tính đến ngày xét xử, tiếp tục trả lãi phát sinh đến khi trả xong nợ là có căn cứ, trường hợp ông G không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Quỹ tín dụng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với tài sản thế chấp là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng.

- Về chi phí tố tụng, án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng dân sự:

Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đ, chị Nh đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Thanh T1, mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng tín dụng trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử vụ án:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 1230/A (loại cho vay trung hạn), ngày 16/3/2017, giấy đề nghị vay vốn ngày 14/3/2017, bản cam kết trả nợ ngày 03/12/2018, sự thừa

nhận của các đương sự, đủ căn cứ xác định, Quỹ tín dụng đã cho ông Bùi Ngọc G, bà Lưu Thị T vay số tiền 120.000.000 đồng, ông G, bà T đã nhận đủ số tiền vay. Thời hạn vay là 13 tháng, ngày đến hạn trả nợ gốc là ngày 16/4/2018, với mức lãi vay trong hạn là 0,95%/tháng, kỳ hạn trả lãi vào cuối kỳ, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay mua vật dụng gia đình. Việc thỏa thuận, ký kết Hợp đồng tín dụng là có thật, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông G, bà T không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi khi đến hạn như đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tính đến ngày 16/4/2018, ông G, bà T còn nợ Quỹ tín dụng tổng số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 15.048.000 đồng, tổng số tiền lãi tính đến thời điểm làm đơn khởi kiện là 67.374.000 đồng, gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn, do bà T đã chết, nên Quỹ tín dụng khởi kiện chỉ yêu cầu một mình ông G phải có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo hướng yêu cầu ông G phải trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử vụ án (ngày 24/12/2021) là 211.884.000 đồng, trong đó nợ gốc là 120.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 15.048.000 đồng, lãi quá hạn là 76.836.000 đồng. Yêu cầu ông G phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 25/12/2021 đến khi ông G trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp quy định tại các Điều 71, Điều 243, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1230/A, ngày 01/02/2016 và phụ lục hợp đồng thế chấp ký ngày 15/3/2017 giữa Quỹ tín dụng với ông G, bà T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật và được bị đơn thừa nhận, tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 21a, tờ bản đồ số 74, diện tích 5.000m², địa chỉ tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 543864, cấp ngày 29/8/2007 cho hộ Bùi Ngọc G, Lưu Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, kết quả ghi nhận: Thửa đất số 21a, tờ bản đồ số 74, diện tích 5.000m² (theo bản đồ số hóa thì thửa đất nêu trên hiện là thửa số 7, tờ bản đồ số 61) vẫn đúng hiện trạng sử dụng, đúng vị trí như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Bùi Ngọc G, bà Lưu Thị T, có vị trí tứ cận: Phía đông giáp thửa đất số 17, phía tây giáp suối, phía nam giáp thửa đất số 18, phía bắc giáp thửa đất số 6.

Do ông G, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông G đồng ý việc Quỹ tín dụng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đ, chị Nh là con ông G, bà T đều không có yêu cầu độc lập, đồng ý việc Quỹ tín dụng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nếu ông G không trả được nợ nên trong trường hợp ông G không trả được nợ hoặc trả không đầy

đủ cho cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với anh T1 là con ông G, bà T mặc dù được Tòa án thông báo, cấp, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, triệu tập để tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản nêu ý kiến hay có ý kiến phản đối đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án, Quỹ tín dụng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 800.000 đồng, đã chi phí xong. Do yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng là có căn cứ và Quỹ tín dụng yêu cầu ông G phải hoàn trả nên cần buộc ông G phải hoàn trả cho Quỹ tín dụng số tiền 800.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là phù hợp.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc bị đơn ông Bùi Ngọc G phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (theo mức tính 211.884.000 đồng x 5%), hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Quỹ tín dụng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 243, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 317, 318, 320, 322, 323, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân P.

1. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: Buộc bị đơn ông Bùi Ngọc G có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P tổng số tiền tính đến ngày 24/12/2021 (ngày xét xử vụ án) là 211.884.000 đồng, trong đó nợ gốc là 120.000.000 đồng, nợ lãi là trong hạn là 15.048.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 76.836.000 đồng.

- Buộc bị đơn ông Bùi Ngọc G phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 25/12/2021 đến khi ông Bùi Ngọc G trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1230/A, ngày 16/3/2017.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bị đơn ông Bùi Ngọc G không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Quỹ tín dụng nhân dân P thì Quỹ tín dụng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1230/A ngày 01/02/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp ký ngày 15/3/2017 (kèm theo Hợp đồng thế chấp 1230/A), xử lý đối với tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 21a, tờ bản đồ số 74, diện tích 5.000m², tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 543864, cấp ngày 29/8/2007 cho hộ Bùi Ngọc G, Lưu Thị T.

- Trường hợp ông Bùi Ngọc G trả nợ đầy đủ cho Quỹ tín dụng nhân dân P mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Quỹ tín dụng có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 543864 cho ông Bùi Ngọc G.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Bùi Ngọc G phải hoàn trả số tiền 800.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Quỹ tín dụng nhân dân P.

4. Về án phí: Buộc bị đơn ông Bùi Ngọc G phải chịu 10.594.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 4.684.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0011753, ngày 19/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân

